

Bản án số: 175/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 7 - 2020

V/v ly hôn giữa chị N và anh T

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Trung Kiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Bùi Văn Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đính - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Huê – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2020/TLST–HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2020/QĐST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1988; nơi đăng ký HKTT: Xóm 4, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nơi ở hiện nay: Xóm 34, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Tiến T, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 4, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 18-02-2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:*

Chị kết hôn với anh Hoàng Tiến T trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20-10-2006 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại nhà bố mẹ chồng ở Xóm 4, xã H, huyện H. Đến năm 2010 vợ chồng cùng ra tỉnh Quảng Ninh làm ăn. Đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn do chị phát hiện anh T có quan hệ ngoại tình. Vợ chồng đã ly

thân từ tháng 5-2015 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T nên xin được giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Hoàng Mạnh T, sinh ngày 09/3/2007 và Hoàng Phương L, sinh ngày 21/7/2012, hiện hai con đang ở với anh T tại nhà bố mẹ chồng. Khi ly hôn chị nhận trực tiếp nuôi cháu L, để anh T trực tiếp nuôi cháu T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 09-3-2020, bị đơn anh Nguyễn Tiến T trình bày:*

Anh thống nhất với chị N về việc kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời điểm vợ chồng sống ly thân. Nay chị N xin ly hôn anh cũng nhất trí.

Về con chung: Anh thống nhất với chị N, vợ chồng có hai con chung là Hoàng Mạnh T, sinh ngày 09/3/2007 và Hoàng Phương L, sinh ngày 21/7/2012 hiện đang ở với anh tại nhà bố mẹ đẻ anh tại Xóm 4, xã H. Khi ly hôn anh đồng ý với chị N mỗi người nuôi một con, đồng ý để chị N nuôi cháu L còn anh nuôi cháu T, hai bên không phải cấp dưỡng cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; bị đơn thực hiện không nghiêm túc quyền, nghĩa vụ của mình cụ thể vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N: Cho ly hôn giữa chị N và anh T; Giao cho chị N trực tiếp nuôi con là Hoàng Phương L, sinh ngày 21-7-2012, giao cho anh T trực tiếp nuôi con chung là Hoàng Mạnh T, sinh ngày 09-3-2007; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; Chị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Hoàng Tiến T đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do. Do đó Tòa án vẫn

tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai thống nhất của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ xác định chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Tiến T đăng ký kết hôn ngày 20-10-2006 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện do đó có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống cho đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị N nghi ngờ anh T có quan hệ ngoại tình. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay chị N xin ly hôn, anh T cũng nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã kéo dài, vợ chồng sống ly thân từ nhiều năm nay, đến nay các bên cũng không thiết tha tìm biện pháp hòa giải đoàn tụ, mặc dù được Tòa án nhiều lần triệu tập hòa giải đoàn tụ nhưng anh T đều vắng mặt. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Hoàng Tiến T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N và anh T thống nhất vợ chồng có hai con chung là Hoàng Mạnh T, sinh ngày 09/3/2007 và Hoàng Phương L, sinh ngày 21/7/2012; hai con đang ở với anh T. Chị N yêu cầu trực tiếp nuôi cháu L, để anh T trực tiếp nuôi cháu T; anh T cũng nhất trí việc nuôi con như trên; mặt khác cháu T cũng có nguyện vọng được ở với bố, cháu L có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Nguyễn Thị N là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị N và anh T thống nhất không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Chị N và anh T thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ chung về tài sản nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Tiến T.
2. Về việc nuôi con chung:

Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Hoàng Phương L, sinh ngày 21-7-2012 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động tự lập được (hiện cháu L đang ở với anh T).

Giao cho anh Hoàng Tiến T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Hoàng Mạnh T, sinh ngày 09-3-2007 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động tự lập được (hiện cháu T đang ở với anh T).

Buộc anh Hoàng Tiến T có nghĩa vụ giao con chung là Hoàng Phương L cho chị Nguyễn Thị N.

Chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Tiến T không phải phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002026 ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Nguyễn Thị N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự: 02 bản;
- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Hải Hậu: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND xã H: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Phạm Trung Kiên**